

Bản án số: **235/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/6/2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T T - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh N H C - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện K, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 13 phân trại K3 – Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên

(Chị T, anh C cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị N T T là Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh N H C kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 25/2014, quyển số: 01/2014 ngày 21/02/2014. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống với nhau tại Thôn F xã N, huyện K, thành phố Hà Nội. Đến năm 2020 vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày. Đến khoảng tháng 01 năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Vợ chồng chị sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từ đó đến nay, chị đã nhiều lần chủ động ngồi nói chuyện với anh C tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Gia đình hai bên cũng nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng đều không thành. Tháng 8/2023 anh C bị bắt tạm giữ, tạm giam về tội "Giết người". Đến tháng 8/2024, anh C bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 năm tù giam về tội "Giết người". Hiện nay anh C đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Trong thời gian thụ hình, chị thỉnh thoảng có thăm nom, động viên anh C và vợ chồng có nói chuyện về việc ly hôn thì anh C cũng đồng ý ly hôn với chị để hai bên ổn định cuộc sống.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng chị càng sớm càng tốt.

Về con chung : Vợ chồng anh chị xác nhận có 02 con chung là cháu N T P, sinh ngày 21/02/2014 và cháu N M Q, sinh ngày 06/11/2017. Hiện 02 cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi 02 con chung. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh C đang đi cải tạo nên không có điều kiện.

Về tài sản chung, Công sức, Nợ: Vợ chồng anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự mà anh C đã bị xét xử không có nên đề nghị Tòa không xem xét.

Do điều kiện công việc nên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra chị T không còn ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn trong vụ án là anh N H C. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, đã nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để công khai chứng cứ, hòa giải về việc chị N T T xin ly hôn, nhưng do điều kiện hiện nay anh N H C đang đi chấp hành án nên vắng mặt. Ngày 16/5/2025, Tòa án đã tiến hành gặp và lấy lời khai của anh N H C tại Phân trại K3 - Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Anh N H C có lời khai cụ thể với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị N T T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 25/2014, quyển số: 01/2014 ngày 21/02/2014. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là

hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn F xã N, huyện K, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Đến năm 2020 vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày. Đến khoảng tháng 01 năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Vợ chồng anh sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từ đó đến nay. Vợ chồng anh đã nhiều lần ngồi nói chuyện tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Gia đình hai bên cũng nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng đều không thành. Tháng 8/2023 anh bị bắt tạm giữ, tạm giam về tội "Giết người". Đến tháng 8/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt anh 06 năm tù giam về tội "Giết người". Hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Trong thời gian thụ hình, chị T thỉnh thoảng có thăm nom, động viên anh và vợ chồng có nói chuyện về việc ly hôn thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung : Vợ chồng anh chị xác nhận có 02 con chung là cháu N T P, sinh ngày 21/02/2014 và cháu N M Q, sinh ngày 06/11/2017. Hiện 02 cháu đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi 02 con chung thì anh cũng đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không thực hiện được vì hiện nay anh đang đi cải tạo nên không có điều kiện để đóng góp tiền nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung của vợ chồng : Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các khoản nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

Về trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự mà anh đã bị xét xử không có, nên đề nghị Tòa không xem xét.

Hiện nay, do anh đang đi chấp hành án phạt tù nên không thể chủ động sắp xếp lịch đến tòa án giải quyết thủ tục ly hôn được. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án theo yêu cầu của chị N T T và theo nguyện vọng theo lời khai ở trên của anh.

Tại phiên tòa chị T, anh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Công nhận việc thuận tình ly hôn của chị N.T.T và anh N.H.C.

- *Về con chung:*

Khi ly hôn, đề nghị giao 02 con chung là cháu N.T.P, sinh ngày 21/02/2014 và cháu N.M.Q, sinh ngày 06/11/2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với anh C cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- *Về tài sản chung và công nợ:*

Chị T và anh C không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

- *Về án phí:*

Vụ án thụ lý ngày 15/4/2025, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp, chị N T T yêu cầu xin ly hôn với anh N H C nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là: “ Tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn anh N H C, có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: tại Thôn F xã N, huyện K, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn trong vụ án là anh N H C trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, chị T, anh C cùng có đơn và lời khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị N T T và anh N H C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 25/2014, quyền số: 01/2014 ngày 21/02/2014. Việc kết hôn giữa hai vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy việc kết hôn là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi chị T, anh C kết hôn thực tế thời gian vợ chồng anh chung sống với nhau hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, sinh hoạt hằng ngày. Đến khoảng tháng 01 năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Vợ chồng anh sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau từ đó đến nay. Vợ chồng anh đã nhiều lần ngồi nói chuyện tìm cách khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng đều không thành. Tháng 8/2023 anh C bị bắt tạm giữ, tạm giam về tội "Giết người". Đến tháng 8/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt anh C 06 năm tù giam về tội "Giết người". Hiện nay anh C đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Trong thời gian thụ hình, chị T thỉnh thoảng có thăm nom, động viên anh C và vợ chồng có nói chuyện về việc ly hôn thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa chị T và anh C không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, nên việc công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 19 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung:

Vợ chồng chị T, anh C xác nhận có 02 con chung là cháu N T P, sinh ngày 21/02/2014 và cháu N M Q, sinh ngày 06/11/2017 hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị T. Do vậy khi anh chị ly hôn Hội đồng xét xử giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với anh C cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung:

Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Tòa án công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh C (bị đơn) không có yêu cầu phản tố về tài sản chung nên Tòa án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị N T T và anh N H C mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của chị T tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm thay cho anh C nên chị T phải nộp số tiền án phí là 150.000 đồng. Chị N T T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 65937 ngày 15/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chị T còn được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

Chị N T T và anh N H C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 28; 35; 39; 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 19; 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N T T. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị N T T và anh N H C

2.Về con chung: Giao cho chị N T T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu N T P, sinh ngày 21/02/2014 và cháu N M Q, sinh ngày 06/11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với anh C cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Tài sản chung vợ chồng: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Tòa án công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh C - bị đơn không có yêu cầu phản tố về tài sản chung nên Tòa án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Án phí: Chị N T T và anh N H C mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của chị T tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm thay cho anh C nên chị T phải nộp số tiền án phí là 150.000 đồng. Chị N T T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 65937 ngày 15/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chị T còn được nhận lại số tiền là 150.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị N T T và anh N H C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Viết Tuấn